

NÔNG DÂN NƯỚC TA TRONG TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ, HỘI NHẬP KINH TẾ KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ THÁCH THỨC VÀ THỜI CƠ

*Đặng Xuân Thao**

Hội nghị Lần thứ Chín Ban chấp hành Trung ương (Khoá IX) đã đánh giá: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH-HĐH) nông nghiệp và nông thôn còn chậm và có nhiều lúng túng, mang nặng tính tự phát, thiếu bền vững⁽¹⁾. Như vậy, sau gần ba năm thực hiện chủ trương của Đại hội IX về: *Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Tiếp tục phát triển và đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp lên một trình độ mới bằng việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học*⁽²⁾, vấn đề CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn của nước ta đã gặp những khó khăn nhất định trong quá trình thực hiện.

Như chúng ta đều biết, CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn đối với nước ta không chỉ mang ý nghĩa quyết định chung của sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, mà còn mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, là sự đền ơn đáp nghĩa một cách thiết thực đối với nông dân và nông thôn - những con người những vùng quê đã từng *Ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ*⁽³⁾ để chở che đùm bọc thậm chí sẵn sàng hi sinh cả tính mạng hoặc người thân để nuôi dưỡng cán bộ, bộ đội đánh giặc cứu nước; từng một thời "dang rộng cánh tay" đón nhận biết bao gia đình tản cư trong Kháng chiến chống Pháp và sơ tán trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

TS., Viện Nghiên cứu Con người.

Thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp-nông thôn cũng chính là thực hiện mục tiêu *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, cho nên Nghị quyết của Đảng rất phù hợp lòng dân, được toàn dân nhiệt tình hưởng ứng. Tuy nhiên, CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn, từng bước đưa nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu của nước ta trở thành một nền sản xuất công nghiệp hiện đại, thì nông dân - những lao động nông nghiệp-nông thôn nước ta sẽ không thể làm việc bằng trình độ hiện có, theo phong cách tiểu nông tự do tùy tiện lâu nay, mà đòi hỏi lao động nông nghiệp-nông thôn phải có trình độ học vấn nhất định để tiếp thu các kiến thức chuyên môn-kỹ thuật cần thiết, đồng thời làm chủ được các phương tiện sản xuất hiện đại, ngoài ra còn phải rèn luyện tác phong công nghiệp, ý thức lao động tập thể, làm việc khẩn trương với nhịp độ cao để vươn tới 3 đỉnh cao trong lao động sản xuất là năng suất-chất lượng-hiệu quả. Vì thế, tình trạng hiện nay còn: *Nhiều vấn đề trong nông nghiệp, nông thôn, nông dân chậm được giải quyết*⁽⁴⁾ cũng là điều có thể hiểu được.

Thực tế, khi chủ trương đẩy nhanh CNH-HĐH đất nước nói chung, nông nghiệp và nông thôn nói riêng, bên cạnh những cơ hội lớn như: *Ngày nay, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất-kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động.*

Nhân dân ta có phẩm chất tốt đẹp. Tình hình chính trị-xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hoà bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực⁽⁶⁾, Đảng ta cũng nhận định nhân dân ta sẽ phải đối mặt với những thách thức lớn⁽⁶⁾. Trong phạm vi bài viết này, xin giới hạn ở những thách thức và cơ hội phát triển thuộc lĩnh vực kinh tế.

I. NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA

Nước ta tiến hành CNH-HĐH trên cơ sở đan xen giữa hai nền văn minh chủ yếu là nông nghiệp và công nghiệp, cùng với một số nhân tố ban đầu của văn minh tri thức. Song về cơ bản, nước ta vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu: Dân số nông thôn chiếm gần 80% dân số cả nước, đặc biệt trong đó, dân số trẻ (dưới 15 tuổi) chiếm khá đông, hơn 1/3 tổng số; và lao động nông thôn chiếm hơn 70% tổng nguồn lao động xã hội, trong đó phần lớn

lại chưa qua đào tạo, hầu hết đang lao động thủ công, bằng những kinh nghiệm cổ truyền là chính. Nguồn nhân lực dồi dào ở khu vực nông thôn, do đó chủ yếu vẫn đang ở dạng một tiềm năng kinh tế, sức mạnh của nó chưa được phát huy đầy đủ do trình độ học vấn và trình độ chuyên môn-kỹ thuật hạn chế.

Nhiều nghiên cứu đã chứng minh, nếu tính chi phí trên một đơn vị sản phẩm, lao động nông thôn nước ta hiện nay đắt hơn so với lao động động của nhiều nền kinh tế khác, và: Tình hình này dẫn đến hai hậu quả lớn đối với nền kinh tế đang trong giai đoạn đẩy mạnh mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, đó là một môi trường đầu tư kém hấp dẫn và sức cạnh tranh thấp của sản phẩm⁽⁷⁾.

1. Theo số liệu thống kê mới nhất, công bố năm 2003, lao động nông thôn nước ta có 31.012.699 người đang tham gia hoạt động kinh tế, chiếm 76,18% tổng số lao động cả nước có trình độ học vấn được phản ánh trong bảng 1.

Bảng 1. Trình độ học vấn của lao động nông thôn cả nước chia theo nông thôn - thành thị (tính từ đủ 15 tuổi trở lên đang hoạt động kinh tế)

Đơn vị tính: Người

Thứ tự	Trình độ học vấn	Tổng số	Chia theo	
			Nông thôn	Thành thị
1	Chưa biết chữ	1.523.001	1.428.735	94.266
2	Chưa tốt nghiệp Tiểu học	6.434.724	5.629.097	805.627
3	Tốt nghiệp Tiểu học	12.911.678	10.578.521	2.333.157
4	Tốt nghiệp THCS	12.400.369	9.710.280	2.690.089
5	Tốt nghiệp THPT	7.447.084	3.666.066	3.781.018
	Cộng	40.716.856	31.012.699	9.704.157

Nguồn: Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, *Số liệu thống kê Lao động-Việc làm ở Việt Nam 2002*, Nxb. Lao động-Xã hội-Hà Nội, 2003, tr. 24 và 30.

Xét về trình độ học vấn (B.1), có 4,6% chưa biết chữ, (chiếm 93,81% tổng số chưa biết chữ của lao động cả nước), 18,15% chưa tốt nghiệp tiểu học, 34,11%

tốt nghiệp tiểu học, 31,31% tốt nghiệp THCS và 11,82% tốt nghiệp THPT (so với các tỉ lệ tương ứng của lao động thành thị là: 0,97%, 8,30%, 24,04%,

27,72% và 38,96%).

Xét về trình độ chuyên môn-kỹ thuật (B.2), lao động khu vực nông thôn có 3.751.721 người đã qua đào tạo (B.2), mới đạt tỉ lệ 12,09% so với chỉ tiêu 22-25% lao động cả nước qua đào tạo do Đại Hội VIII đề ra. Chưa nói, phần lớn trong số này

đang ở trình độ thấp (52,1% là những lao động có trình độ sơ cấp/chứng chỉ nghề và CNKT không có bằng), còn lại, CNKT: 14,88%, THCN: 20,43%, CĐ-ĐH trở lên chiếm 12,59% (so với 21,98%, 30,58%, 18,86% và 28,57% là các tỉ lệ tương ứng của lao động thành thị).

Bảng 2. Trình độ chuyên môn-kỹ thuật của lao động cả nước, chia theo nông thôn- thành thị

(từ đủ 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế thường xuyên)

Đơn vị tính: Người

	Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Tổng số	Chia ra	
			Nông thôn	Thành thị
1	Sơ cấp/có chứng chỉ nghề	1.300.947	993.782	307.165
2	Công nhân kỹ thuật không bằng	1.592.368	960.745	631.623
3	Công nhân kỹ thuật có bằng	1.864.015	558.168	1.305.847
4	Trung học chuyên nghiệp	1.571.821	766.611	805.210
5	Cao đẳng, đại học và trên đại học	1.692.646	472.415	1.220.231
	Cộng:	8.021.797	3.751.721	4.270.076

Nguồn: Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, *Số liệu thống kê Lao động-Việc làm ở Việt Nam 2002, Sđd, tr. 181, 183*

2. Kết quả điều tra của Đề tài cấp Nhà nước (thuộc Chương trình KHCN cấp Nhà nước KX05 2001-2005) về trình độ đào tạo của lao động nông

nghiệp-nông thôn được tiến hành tại 7 tỉnh và thành phố đại diện một số vùng trong cả nước, cũng cho biết một thực trạng tương tự.

Bảng 3. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động nông thôn qua điều tra khảo sát

TT	Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Số người	Chiếm tỉ lệ (%)
	Tổng số:	990	100,00
I	Chưa qua đào tạo:	736	74,40
II	Đã qua đào tạo, chia theo cấp trình độ:		
1	Nghề < 6 tháng	79	7,96
2	Nghề 6-12 tháng	30	3,00
3	Nghề dài hạn (>1năm)	37	3,76
4	Trung học chuyên nghiệp	68	6,88
5	Cao đẳng	15	1,50
6	Đại học	24	2,40
7	Sau ĐH (Thạc sĩ)	01	0,10

Nguồn: Đề tài cấp Nhà nước KX05-10. *Số liệu điều tra, 3-2003.*

Các số liệu trong Bảng 3 cho thấy, quá nửa (57,50%) số lao động có chuyên môn kỹ thuật ở đây cũng chỉ qua đào tạo nghề, số còn lại gồm THCN chiếm 26,77% và CD-ĐH trở lên chiếm 15,74%.

3. Lại nữa, theo dự báo của nhiều nhà khoa học, trong nền sản xuất công nghiệp hiện đại, với tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, với sự cạnh tranh quyết liệt của cơ chế thị trường thì trung bình mỗi người, trong cuộc đời lao động, có thể sẽ phải đổi nghề khoảng 4-5 lần. Như vậy, rõ ràng là người lao động, nếu muốn tiếp tục làm việc, phải không ngừng học tập để nâng cao trình độ, cập nhật các kỹ năng, kiến thức mới một cách liên tục hoặc theo định kỳ, thậm chí phải được đào tạo lại mới có thể đáp ứng yêu cầu công việc, v.v...

Ngoài ra, cũng cần phải thấy rằng, tuy đã có sự khởi sắc nhất định, nhìn chung kinh tế nông thôn vẫn trong tình trạng kém phát triển, nhiều hộ gia đình lâu nay thường phải chật vật với việc kiếm sống hàng ngày nên đa số nông dân nhất là ở các vùng sâu vùng xa ít có điều kiện học hành, theo đó mật độ dân trí và học vấn ở khu vực nông thôn đang còn thấp, đặc biệt trong số đó có nhiều người thuộc các dân tộc thiểu số sinh sống tại các vùng cao chưa thạo tiếng phổ thông, đang gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp thu các kiến thức KHKT, dù ở mức tối thiểu, để áp dụng vào việc canh tác, tự vươn lên xoá đói giảm nghèo. Trong hoàn cảnh như vậy, nếu không có những giải pháp phù hợp thì việc huy động được bà con đến lớp đến trường hoàn toàn không đơn giản.

Nói tóm lại, dù mới điếm qua, những điều đã trình cũng đủ nói lên rằng,

muốn đáp ứng được yêu cầu CNH-HĐH, hội nhập nền kinh tế khu vực và quốc tế, vươn tới một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, thì lao động nông nghiệp-nông thôn nước ta sẽ phải cố gắng phấn đấu vươn lên hơn nữa để vượt qua chính mình, trên cơ sở đó vượt qua mọi khó khăn thử thách do thực tiễn CNH-HĐH đặt ra.

II. KHẢ NĂNG VƯỢT QUA THÁCH THỨC, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Như đã đề cập từ đầu, bên cạnh những *thách thức lớn* về lĩnh vực phát triển kinh tế đó là sức cạnh tranh về chất lượng của đội ngũ lao động, về năng suất và chất lượng của sản phẩm hàng hoá, trong quá trình CNH-HĐH, chúng ta cũng có những *cơ hội lớn* mà thực tế những năm vừa qua chúng ta đã từng bước khắc phục được những khó khăn yếu kém, gặt hái được những thành quả nhất định, nhờ có các chủ trương chính sách đúng đắn, sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước từ cấp vĩ mô đến cấp vi mô, cùng với sự nỗ lực vươn lên của chính lao động nông nghiệp-nông thôn. Xin được nêu một vài dẫn chứng.

1. Trước hết, khi đề cập khả năng vượt qua thách thức về CMKT do trình độ học vấn thấp, không thể không nhắc đến tinh thần hiếu học - một truyền thống hết sức tốt đẹp và quan trọng của dân tộc ta. Hiếu học, nói một cách nôm na, là sự coi trọng việc học của cộng đồng và sự nỗ lực dùi mài kinh sử của bản thân người học nhằm tiếp thu các kiến thức KHKT, những kinh nghiệm cuộc sống từ trong nhà trường đến thực tiễn lao động sản xuất, trong mọi lúc mọi nơi, theo phương châm câu ngôn ngữ "Đi một

ngày đàng học một sàng khôn".

Ngày nay, truyền thống hiếu học của ông cha lại đang được Đảng ta phát động và khuyến khích thông qua các chủ trương: Giáo dục cho mọi người; cả nước trở thành một xã hội học tập⁽⁸⁾ và học tập thường xuyên, suốt đời⁽⁹⁾. Theo đó, nhiều địa phương (như Hải Dương, Thái Bình, Lai Châu (cũ), Hà Nội, Thanh Hoá, Hoà Bình...) đã thành lập các Trung tâm học tập cộng đồng- một mô hình đào tạo xuất phát từ ý tưởng xây dựng một xã hội học tập, thực hiện giáo dục suốt đời, được UNESCO đề xướng vào những năm 1970, sau đó đã được nhiều nước chấp nhận, được đánh giá là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng đương đại. Tại đây, người dân có thể theo học văn hoá- nâng cao học vấn, cũng có thể học những nghề thiết thực theo nhu cầu, hoặc học cả hai.

2. Vấn đề hạn chế khả năng tiếp thu các kiến thức khoa học và công nghệ do trình độ học vấn còn thấp đang là thực trạng chung của lao động nông thôn nước ta hiện nay. Tuy nhiên trong đó,

phải nói đồng bào các dân tộc thiểu số là những người gặp nhiều khó khăn nhất. Để thấy được sự nỗ lực của toàn Đảng toàn dân nhằm vượt qua thách thức về lĩnh vực này, xin được dẫn chứng bằng những thành tựu do chính các dân tộc thiểu số nước ta đã đạt được nhờ kiên trì phấn đấu nâng cao trình độ học vấn và trình độ dân trí nói chung qua các số liệu ở Bảng 4 dưới đây.

Qua các số liệu trong bảng, có thể thấy sự tiến bộ về trình độ học vấn của đồng bào các dân tộc thiểu số nước ta cụ thể như sau:

- Nếu như năm 1989, số người tốt nghiệp THPT mới chiếm tỉ lệ 1,3% tổng số thì đến năm 1999 tỉ lệ này đạt 7,15% , tăng gấp 5,5 lần.

- Nếu như năm 1989, số người tốt nghiệp CD-DH mới đạt 0,13% thì đến năm 1999, tỉ lệ này đạt 1,07%, tăng gấp 8,2 lần.

- Nếu như năm 1989, số người có trình độ sau đại học mới đạt tỉ lệ 0,0001%, thì đến năm 1999, tỉ lệ này là 0,007%, tăng gấp 70 lần (Tính để tham khảo thêm, được biết tỉ lệ tăng tương ứng ở dân tộc Kinh là 3,16 lần).

Bảng 4. Tình hình dân số và học vấn các dân tộc thiểu số qua hai kỳ Tổng điều tra dân số (1989, 1999) chia theo cấp đào tạo

Đơn vị tính: Người

TT	Dân số và học vấn	1989	1999
1	Tổng dân số các dân tộc thiểu số	8.268.480	10.527.455
2	Học vấn tính từ THPT trở lên		
	- Tốt nghiệp THPT	113.242	752.255
	- Cao đẳng-đại học	11.471	113.070
	- Sau đại học	126	642

Nguồn: Xử lý số liệu Tổng điều tra dân số 1989 – Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số TW, Hà Nội-1991, và Tổng điều tra dân số-nhà ở 1999 -Nxb. Thống kê, Hà Nội-2001.

Tham khảo thêm các số liệu Bảng 5, có thể thấy được một khía cạnh khác về thành tựu này của nhân dân các dân tộc thiểu số, cụ thể là:

Bảng 5. Tình hình học vấn các dân tộc thiểu số qua 2 kỳ Tổng điều tra dân số (1989, 1999) chia theo cấp đào tạo và số lượng dân tộc

Đơn vị tính: Dân tộc

TT	Số lượng dân tộc	1989	1999
1	Chưa có người tốt nghiệp THPT	7	0
2	Chưa có người tốt nghiệp CĐ-ĐH	12	3
3	Chưa có người có trình độ Sau đại học	42	32

Nguồn: Xử lý số liệu Tổng điều tra dân số 1989 và Tổng điều tra dân số-nhà ở 1999. Sđd.

- Năm 1989, còn 7 dân tộc thiểu số chưa có người tốt nghiệp THPT (khi đó gọi là Cấp 3), thì đến năm 1999, ở mức độ nhiều ít khác nhau, tất cả các dân tộc thiểu số đều đã có người tốt nghiệp cấp học này.

- Năm 1989, 12 dân tộc chưa có người tốt nghiệp CĐ-ĐH, đến năm 1999, chỉ còn 2 dân tộc chưa có người đạt trình độ CĐ-ĐH.

- Năm 1989, 42 dân tộc chưa có người đạt trình độ sau đại học, đến năm 1999, trong số 42 dân tộc nói trên đã có thêm 10 dân tộc nữa có người đạt trình độ sau đại học.

Như vậy, sau 10 năm (1989-1999) vừa thực hiện chủ trương đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội VI đề ra (1986), vừa tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Đại hội VII (1991) và Đại hội VIII (1996), cơ hội học tập dành cho đồng bào các dân tộc thiểu số đã tăng lên đáng kể và sự phấn đấu nâng cao trình độ học vấn của đồng bào các dân tộc thiểu số cũng thật đáng ghi nhận, đặc biệt là ở trình độ cao, từ CĐ-ĐH trở lên.

3. Về chuyên môn kỹ thuật, nhằm khắc phục hiện trạng yếu kém của đội ngũ lao động nông thôn, Đảng ta đã chủ trương: Mở rộng hệ thống các trường lớp dạy nghề và đào tạo công nhân lành nghề⁽¹⁰⁾, và: Ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, miền núi⁽¹¹⁾. Nhờ đó, sau những bước khởi đầu chậm chạp mang tính thí điểm, khoảng mấy năm lại đây, công tác

dạy nghề cho lao động nông nghiệp-nông thôn đã được triển khai mạnh hơn. Nhiều trung tâm dạy nghề, các trường lớp dạy nghề cho nông dân đã được hình thành và đi vào hoạt động ở nhiều huyện, cụm xã, tại hầu hết các tỉnh thành phố. Các cơ sở đào tạo này đã thực hiện nhiều khoá học ngắn hạn và trung hạn với phương châm thiết thực cần gì học, dạy nấy, nhờ thế tỉ lệ lao động nông thôn qua đào tạo-bồi dưỡng được gia tăng, đặc biệt trong đó là sự gia tăng về số người qua đào tạo nghề bằng nhiều hình thức khác nhau mà số liệu ở hai bảng 2 và 3 trên đây đã nói lên điều đó.

Như vậy, có thể nói, những hạn chế về học vấn và CMKT của nguồn nhân lực nông nghiệp-nông thôn hiện nay chỉ là những khó khăn trước mắt, tạm thời. Trong tương lai không xa, thiết nghĩ với một nguồn nhân lực dồi dào như đã trình bày, lại được đào tạo, được trang bị những kiến thức KHKT để kết hợp giữa sử dụng đất đai với bảo vệ tài nguyên-môi trường sinh thái, sử dụng phân bón, hoá chất bảo vệ thực vật, thức ăn gia súc gắn với vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm sức khoẻ con người, chắc hẳn các sản phẩm hàng hoá do nông dân làm ra sẽ không chỉ ngày càng nhiều về số lượng, mà còn đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng cao về mặt chất lượng của thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

Thực tế đã chứng minh, những năm vừa qua có một số nông dân nhờ năng động làm ăn, chủ động tìm thầy để học

hoặc tự mày mò học hỏi, đã trở thành những nông dân sản xuất giỏi, những chủ trang trại, trở nên giàu có, thành những tỉ phú nhà nông.

4. Thực tế cũng cho thấy, một mặt nhờ đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, mặt khác nhờ thực hiện cơ chế thị trường, nên những năm vừa qua ở khu vực nông thôn đã có động lực phát triển, có nhiều cơ hội việc làm hơn so với trước, đồng thời, nông dân đã có quyền tiếp cận với các nguồn lực, đặc biệt là đất đai...

Theo đó, cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động nông thôn đã và đang có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực: Một số vùng nông thôn đã có 30-50% lao động tham gia các hoạt động kinh tế ngoài nông nghiệp, sự phát triển của các hộ nông nghiệp kiêm ngành nghề đã thể hiện rõ xu hướng phá thế thuần nông truyền thống trong nông nghiệp nước ta. Riêng trong lĩnh vực nông nghiệp, cũng đã có sự chuyển dịch từ độc canh cây lúa sang đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi, góp phần tăng thêm đáng kể thu nhập cho các hộ gia đình.

Đồng thời, sự phân bố và sử dụng nguồn nhân lực nông thôn, xét trên phương diện cơ cấu hoạt động, phương thức và hiệu quả sử dụng quỹ thời gian lao động nói chung cũng đã có những chuyển biến đáng kể; các hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và các dịch vụ sinh hoạt trong cư dân nông thôn cũng đã có nhiều tiến bộ, đa dạng và phong phú hơn.

THAY CHO LỜI KẾT.

Hẳn những ai quan tâm đều biết, không phải ngẫu nhiên mà Đại hội IX của Đảng đã nhận định: Con đường công nghiệp hoá của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt⁽¹²⁾. Thực tế những gì đã trình

bày, phân tích, cho thấy nhận định của Đảng vừa có cơ sở thực tiễn vừa có cơ sở khoa học. Qua đó, cũng có thể khẳng định, với truyền thống hiếu học, tinh thần tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau; với quyết tâm không cam chịu đói nghèo "thua chị kém em", cộng với đức tính chăm chỉ cần cù vốn có trong lao động sản xuất, nông dân nước ta - những người đã từng hoàn thành xuất sắc vai trò là đội quân chủ lực trong cách mạng giải phóng dân tộc giành độc lập, tự do cho Tổ quốc và đang đảm nhiệm vai trò đội quân chủ lực trên mặt trận đảm bảo an toàn lương thực quốc gia, chắc chắn sẽ vượt qua những khó khăn thử thách trước mắt, vươn lên đáp ứng yêu cầu lao động thời kỳ CNH- HĐH, hội nhập thành công nền kinh tế khu vực và quốc tế./

Chú thích

- (1) Đảng CSVN, Văn kiện Hội nghị Lần thứ Chín Ban Chấp hành Trung ương Khoá IX. Nxb. CTQG, Hà Nội-2004, tr.27.
- (2) Đảng CSVN, Văn kiện Đại hội IX. Nxb. CTQG, Hà Nội-2001, tr.26.
- (3) Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nxb. CTQG. Hà Nội-1999, tr.33.
- (4) Đảng CSVN, Văn kiện Hội nghị Lần thứ Chín Ban Chấp hành Trung ương Khoá IX. Sđd, tr..27.
- (5) Đảng CSVN, Văn kiện Đại hội IX. Sđd, tr.14-15.
- (6) Đảng CSVN, Văn kiện Đại hội IX. Sđd, tr.14.
- (7) Đỗ Hoài Nam. Công cuộc đổi mới kinh tế và con người ở Việt Nam: Thực tiễn và các vấn đề - Báo cáo tham luận Hội thảo Phát triển con người ở Việt Nam, Hà Nội-1999.
- (8) Đảng CSVN. Văn kiện Đại hội IX.. Sđd, tr.109 .
- (9) Đảng CSVN. Văn kiện Đại hội IX.. Sđd, tr. 202.
- (10) Đảng CSVN, Văn kiện Đại hội VIII, Sđd, tr.108.
- (11) Đảng CSVN. Văn kiện Đại hội IX.. Sđd, tr.202 và 203.
- (12) Đảng CSVN. Văn kiện Đại hội IX. Sđd, tr.25